TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **77**/2026/QĐST-HNGĐ	*Thái Nguyên, ngày 12 tháng 03 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 46/2026/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1998;

CCCD số: 01919800xxxx cấp ngày 29/8/2024;

Nơi cấp: Cục C2 về TTXH;

Nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố N, phường P, tỉnh T

Chỗ ở hiện nay: Xóm C, xã V, tỉnh T

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1994;

CCCD số: 01909400xxxx cấp ngày 11/02/2022;

Nơi cấp: Cục C2 về TTXH;

Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường P, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 03 năm 2026;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 03 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn C thuận tình ly hôn.

2.2 Về con chung: Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn C thống nhất thỏa

thuận: Chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Lê Quỳnh C1, sinh ngày 02/08/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các bên đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Về quyền thăm nom con: Anh C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

2.3. Về tài sản chung: Các đương sự đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về công nợ chung: Các đương sự đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị L tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp Ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp và được hoàn lại khoản tiền tạm ứng án phí 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000333 ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 – Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6;7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 2 – Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Phòng THADS khu vực 2 - Thái Nguyên;
- UBND phường;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thủy